

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học ; Chuyên ngành: Ung thư

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ THÁI HÒA

2. Ngày tháng năm sinh: 24/1/1976 Nam ; Nữ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Hậu Thượng, Bạch Đằng, Đông Hưng, Thái Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 255 Tổ 82, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Nội 2, Bệnh viện K, 30 Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2003 đến năm 2008: Bác sỹ, Bệnh viện K

Từ năm 2009 đến năm 2012: Phó trưởng phòng kế hoạch tổng hợp, phó trưởng khoa Nội 3, bệnh viện K

Từ năm 2012 đến năm 2015: Phó trưởng khoa Nội 3, bệnh viện K; trưởng khoa Ung bướu Bệnh viện Hữu Nghị Việt Xô

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Là một bác sỹ nội khoa ung thư, hướng nghiên cứu chủ yếu của tôi là đánh giá hiệu quả của các phương pháp điều trị, nhằm cải thiện kết quả điều trị cho bệnh nhân ung thư tại Việt Nam. Các điều trị trong nghiên cứu bao gồm điều trị trúng đích, miễn dịch liệu pháp, hóa trị liệu...Tôi tập trung vào nghiên cứu trên những loại ung thư phổ biến, những loại ung thư có gánh nặng lớn như ung thư phổi, ung thư vùng đầu cổ, ung thư đường niệu, ung thư tiêu hóa....Việc đánh giá giúp đưa ra được phương pháp điều trị thích hợp với từng nhóm bệnh nhân là vô cùng cần thiết trong thực tế lâm sàng, giúp cho thầy thuốc có lựa chọn điều trị thích hợp.

Ngoài ra tôi cũng nghiên cứu các yếu tố tiên lượng cho từng nhóm bệnh nhân cụ thể, tìm ra những yếu tố ảnh hưởng lên kết quả điều trị, qua đó thầy thuốc sẽ có thể đưa điều trị tối ưu cho từng trường hợp

Nghiên cứu các tác dụng không mong muốn của điều trị ung thư cũng là một trong những hướng nghiên cứu của tôi. Với đặc điểm riêng, các bệnh nhân ung thư ở Việt Nam có thể có dung nạp thuốc không giống với những nhóm bệnh nhân khác. Kết quả của những đánh giá này nhằm giúp cho thầy thuốc và người bệnh có những hiểu biết về phòng, xử lý các tác dụng không mong muốn, từ đó hạn chế tối đa những tai biến của điều trị.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 05 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 08 cấp cơ sở ;
- Đã công bố (số lượng) 49 bài báo KH, trong đó 08 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 , trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen Bộ Y tế 2016, 2019; Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở 2010,2013, 2014, 2015, 2017, 2018, 2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nhà giáo và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của nhà giáo. Ung thư học là một chuyên ngành mới, các cán bộ giảng dạy luôn thiếu để đào tạo cho số lượng học viên đông đảo. Với lượng kiến thức liên tục được cập nhật, đội ngũ giáo viên cần nhanh chóng nắm bắt chuyên môn để có thể truyền đạt tới học viên. Với cương vị là một giảng viên kiêm nhiệm của Đại học Y Hà Nội và gần đây là chủ nhiệm Bộ môn Ung thư của Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, tôi luôn luôn ý thức được trách nhiệm của mình trong công tác giảng dạy chuyên ngành Ung thư.

Bên cạnh việc giảng dạy cho sinh viên của Đại học Y Hà Nội cũng như của Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, tôi cũng tham gia công tác giảng dạy chuyên ngành ung thư học cho đối tượng sau đại học, hướng dẫn và chấm luận văn cho học viên sau đại học như thạc sỹ, bác sỹ chuyên khoa II, tiến sỹ.

Cùng với quá trình thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục của Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam, đa ngành với nhiều mã ngành mới, bộ môn Ung thư của Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam được thành lập từ 2017. Là chủ nhiệm Bộ môn, tôi đã cùng tập thể Bộ môn vượt qua khó khăn của những ngày đầu thành lập, tích cực biên soạn giáo trình, tài liệu học tập, bộ ngân hàng câu hỏi phù hợp với từng đối tượng học viên (y học cổ truyền, chuyên tu, y đa khoa). Bộ môn cũng đã hoàn thiện chương trình giảng dạy cả về lý thuyết và lâm sàng, đem lại cho các học viên lượng kiến thức và kỹ năng đầy đủ. Bộ môn cũng đã từng bước đổi mới nội dung và phương pháp dạy, học giúp sinh viên chủ động trong học tập. Các thầy cô trong bộ môn giảng dạy với tinh thần trách nhiệm cao, luôn vượt định mức số giờ giảng quy chuẩn.

Về phẩm chất đạo đức: luôn luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức của nhà giáo, giữ gìn tư cách sống trong sáng, lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước. Xây dựng đoàn kết nội bộ, quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, học viên.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
 Về sức khỏe: sức khỏe tốt để hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao

Lý lịch bản thân và gia đình: rõ ràng, trong sạch

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên^(*):

- Tổng số: 06 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015					136		136/161/140
2	2015-2016					138		138/172/135
3	2016-2017					138		138/170/135
3 năm học cuối								
4	2017-2018			02		138		138/148/135
5	2018-2019			03		136		136/149/135
6	2019-2020			03 (chưa bảo vệ)		138		158/180/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:
; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước:năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Đào tạo ngắn hạn tại nước ngoài

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 khung tham chiếu Châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Lê Chí Hiếu		x		x	2016-2018	Đại Học Y Hà Nội	3/12/2018
2	Nguyễn Thị Thanh Huyền		x		x	2016-2018	Đại Học Y Hà Nội	3/12/2018
3	Lê Xuân Hà		x	x		2017-2019	Đại Học Y Hà Nội	16/12/2019
4	Lã Duy Tiến		x	x		2017-2019	Đại Học Y Hà Nội	16/12/2019
5	Đoàn Thị Tuyết		x		x	2017-2019	Đại Học Y Hà Nội	16/12/2019

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ luận án tiến sỹ							
1	Bệnh Ung thư ở trẻ em	TK	Nhà xuất bản Y học 2006	19	PGS.TS. Nguyễn Bá Đức	214-237	398/CV- HVYDHCTVN
2	Bệnh Ung thư Phổi	TK	Nhà xuất bản Y học, 2008	36	TS. Bùi Công Toàn, TS Hoàng	169-177	398/CV- HVYDHCTVN

					Đình Chân		
Sau khi bảo vệ luận án tiến sỹ							
1	Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh ung thư thường gặp	HD	Nhà xuất bản Y học, 2019	17	GS.TS. Trần Văn Thuấn, PGS. TS. Lê Văn Quảng, Ts. Nguyễn Tiến Quang	66-84 92-135 195-211	398/CV- HVVYDHCTVN

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 0

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Ch kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- **Các chữ viết tắt:** CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/xếp loại kết quả
Trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ					
1	Đánh giá kết quả điều trị ung thư vùng đầu cổ giai đoạn muộn bằng các phác đồ hóa chất có Cisplatin tại cơ sở Tam Hiệp Bệnh viện K từ 1/2008 đến	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2008-2010	29/10/2010

	6/2009				
2	Đánh giá tác dụng không mong muốn sớm của phác đồ Nimotuzumab – hóa xạ trị đối với ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2010-2013	25/12/2013
3	Đánh giá kết quả điều trị phác đồ Nimotuzumab – hóa xạ trị đối với ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2010-2014	19/12/2014
4	Đánh giá kết quả điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IIIB, IV bằng thuốc ức chế Tyrosine kinase (TKIs)	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2012-2015	28/12/2015
Sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ					
5	Đánh giá kết quả điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IIIB, IV sau kháng thứ phát với thuốc ức chế Tyrosine kinase	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2012-2016	12/10/2016

6	Đánh giá kết quả điều trị thuốc ức chế Tyrosine kinase ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn não	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2012-2017	25/12/2017
7	Báo cáo các ca bệnh điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ đột biến T790M nguyên phát bằng thuốc ức chế Tyrosine Kinase thế hệ 1	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2016-2018	28/12/2018
8	Kết quả điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến xa bằng thuốc ức chế Tyrosine kinase (TKIs) thế hệ 2 Afatinib	CN	Cơ sở/Bệnh viện K	2018-2019	24/12/2019

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (khôn g tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị Tiến sỹ								
1	Ung thư vú ở nam giới: Nhận xét về lâm sàng và mô bệnh học nhân 17 trường hợp tại Bệnh viện K từ 1995 đến 2000. .	02	x	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh			5,4, 439- 441	2001
2	Ung thư biểu mô tuyến bã nhân 11 trường hợp tại BVK từ 1994 đến 2000	01	x	Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh			6,4, 75-77	2002
3	Đặc điểm di căn hạch của ung thư da loại ung thư biểu mô tế bào vảy	01	x	Tạp chí Y học thực hành ISSN 0866- 7241			Số 431, 176-177	2002
4	Kết quả điều trị ung thư da tế bào vảy tại Bệnh viện K	03	x	Kỷ yếu công trình nghiên cứu khoa học			25-33	2003
5	Điều trị đích trong ung thư đầu cổ	02	x	Tạp chí thông tin Y dược			Số 3, 8-11	2010

				ISSN 8068-3891			
6	Điều trị ung thư đầu cổ	02	x	Tạp chí thông tin Y dược ISSN 8068-3891		Số 5, 9-12	2010
7	Kết quả điều trị ung thư đầu cổ giai đoạn muộn bằng phác đồ hóa chất có Cisplatin	07	x	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 3, 136-140	2011
8	Đánh giá bước đầu kết quả điều trị phác đồ nimotuzumab – hóa xạ trị đối với ung thư tế bào vảy vùng đầu cổ giai đoạn III, IVA, IVB	09	x	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 1 163-169	2012
9	Đánh giá kết quả sống còn sau điều trị ung thư biểu mô vảy vùng đầu cổ giai đoạn III, IVA, IVB bằng phác đồ Nimotuzumab – hóa xạ trị	10		Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 4 67-74	2013
10	Đánh giá các độc tính sớm của hóa xạ trị đồng thời có hoặc không kết hợp với kháng thể đơn dòng Nimotuzumab đối với ung thư biểu mô vảy	09	x	Tạp chí y học lâm sàng ISSN 1859-3895		Số 17 37-42	2013

	vùng đầu cổ							
Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị Tiến sỹ								
11	Đánh giá kết quả điều trị bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IIIB-IV bằng thuốc ức chế Tyrosine Kinase (TKIs)	10	x	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400			Số 1 190-196	2016
12	Đánh giá kết quả điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IIIB, IV sau kháng thứ phát với thuốc ức chế Tyrosine Kinase (TKIs)	10	x	Tạp chí ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400			Số 3, 245-252	2016
13	Tiến bộ trong điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn	02	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			460, số chuyên đề, 9-12	2017
14	Báo cáo ca bệnh ung thư phổi không tế bào nhỏ có đột biến T790M nguyên phát điều trị bước 1 bằng thuốc ức chế Tyrosine Kinase	04	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			471, số chuyên đề ung thư, 242-248	2018
15	Cập nhật điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ đột biến EGFR	02		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-			472, số chuyên đề, 24-	2018

				1868			30	
16	Đánh giá kết quả điều trị Erlotinib trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn não có đột biến EGFR	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400			Số 1, 236-241	2019
17	Đáp ứng Erlotinib trên bệnh nhân ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn não có đột biến EGFR – Kết quả phân tích dưới nhóm	02	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400			Số 1, 242-248	2019
18	Đánh giá hiệu quả điều trị duy trì Pemetrexed trong ung thư phổi không tế bào nhỏ, không vảy giai đoạn muộn sau điều trị hóa chất bước 1 Pemetrexed - Cisplatin	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400			Số 1, 249-254	2019
19	Đánh giá kết quả bước đầu điều trị TKIs thế hệ 2 (Afatinib) ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến xa có đột biến EGFR	09	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400			Số 5, 203-207	2019
20	Đánh giá tỷ lệ đáp ứng với phác đồ Pemetrexed –	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam			Số 5, 208-211	2019

	Carboplatin của bệnh nhân cao tuổi ung thư biểu mô tuyến của phổi giai đoạn IV			ISSN 1859-400			
21	Kết quả sống thêm của bệnh nhân ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn điều trị phác đồ Etoposide – carboplatin tại Bệnh viện K	02	x	Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 5, 212-215	2019
22	Đánh giá đáp ứng của phác đồ Etoposide – carboplatin trên bệnh nhân ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 5, 216-219	2019
23	Đánh giá dung nạp thuốc của bệnh nhân cao tuổi với phác đồ Pemetrexed – Carboplatin điều trị ung thư biểu mô tuyến phổi giai đoạn IV	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 5, 220-223	2019
24	Đánh giá kết quả điều trị Gefetinib bước 1 ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn IV có đột biến EGFR tại Bệnh viện K	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 5, 224-229	2019
25	Kết quả điều trị ung	02		Tạp chí Ung		Số 5,	2019

	thư đại trực tràng tái phát di căn với phác đồ Folfox tại Bệnh viện Hữu Nghị			thư học Việt Nam ISSN 1859-400			340-345	
26	Thời gian sống bệnh không tiến triển trong ung thư đại trực tràng tái phát di căn điều trị phác đồ FOLFOX tại Bệnh viện Hữu Nghị	03		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN 1859-1868			484, số đặc biệt, 100-107	2019
27	Kết quả điều trị Pemetrexed – carboplatin ung thư biểu mô tuyến của phổi giai đoạn IV ở bệnh nhân cao tuổi	01	x	Tạp chí Y học Cộng đồng ISSN 2354-0613			Số 3 (56), 13-16	2020
28	Vai trò của điều trị duy trì liên tục Pemetrexed trong ung thư phổi không tế bào nhỏ - không vảy giai đoạn tiến xa: kết quả phân tích sau cùng	01	x	Tạp chí Y học Cộng đồng ISSN 2354-0613			Số: 3 (56), 17-23	2020
29	Kết quả sống thêm toàn bộ ung thư phổi không tế bào nhỏ, không vảy giai đoạn tiến xa điều trị duy trì liên tục pemetrexed	01	x	Tạp chí y dược cổ truyền Việt Nam ISSN 2354-1334			Số 2(27), 41-47	2020
30	Đánh giá kết quả sống thêm ung thư biểu mô	1	x	Tạp chí y dược cổ truyền Việt			Số 2(27),	2020

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	vây vùng đầu cổ giai đoạn III, IVA, IVB điều trị Nimotuzumab kết hợp hóa xạ			Nam ISSN 2354- 1334			11-17	
31	Kết quả sống còn toàn bộ Ung thư phổi di căn não có đột biến EGFR điều trị bằng Erlotinib	1	x	Tạp chí y dược cổ truyền Việt Nam ISSN 2354- 1334			Số 3(28), 12-18	2020
32	Kết quả sống thêm không tiến triển ung thư phổi không vẩy giai đoạn tiến xa điều trị duy trì liên tục Pemetrexed	01	x	Tạp chí y dược cổ truyền Việt Nam ISSN 2354- 1334			Số 3(28), 73-78	2020
33	Đánh giá các yếu tố tiên lượng ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn	01	x	Tạp chí y dược cổ truyền Việt Nam ISSN 2354- 1334			Số 4 (29), 4-10	2020
34	Các yếu tố tiên lượng ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn não có đột biến EGFR điều trị Erlotinib	01	x	Tạp chí y dược cổ truyền Việt Nam ISSN 2354- 1334			Số 4(29), 31-37	2020
35	Điều trị ung thư phổi không tế bào nhỏ giai đoạn tiến xa có đột biến EGFR bằng TKI thế hệ 2 Afatinib:	02	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859- 1868			490, 1, 127-130	2020

	Đánh giá tỷ lệ đáp ứng và một số yếu tố liên quan						
36	Đánh giá tỷ lệ đáp ứng điều trị ung thư vòm mũi họng di căn hạch N1-3, M0 tại Bệnh viện quân y 103	02	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		490, 2, 1-4	2020
37	Đánh giá sự thay đổi chỉ số NSE và PRO-GRP trong quá trình điều trị ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn	02	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		490, 2, 44-47	2020
38	Vai trò xạ trị dự phòng não đối với ung thư phổi tế bào nhỏ giai đoạn lan tràn	01	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		491, 1 1-4	2020
39	Ung thư phổi không tế bào nhỏ di căn não có đột biến EGFR điều trị Erlotinib: đánh giá vai trò của kết hợp xạ trị toàn não	01	x	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868		491, 1 43-46	2020
40	Đánh giá kết quả điều trị ung thư vòm mũi họng giai đoạn di căn hạch N1-N3, M0 tại Bệnh viện Quân Y 103	02		Tạp chí Ung thư học Việt Nam ISSN 1859-400		Số 1, 34-38	2020

41	Actionable Mutation Profiles of non-Small cell Lung cancer patients from Vietnamese population	29		Scientific RepoRtS	ISI/Scopus	(2020) 10:2707 https://doi.org/10.1038/s41598-020-59744-3	2020
42	Pemetrexed-Carboplatin as first-line treatment in elderly patients with stage IV adenocarcinoma lung cancer	03	x	Medical Science ISSN 2321-7359	ISI	24 (104), 1984-1989	2020
43	The role of continuous maintenance therapy with pemetrexed in non-squamous non-small cell advanced lung cancer: A prospective cohort study in Vietnam	03	x	Medical Science ISSN 2321-7359	ISI	24 (104) 1930-1935	2020
44	Combined Nimotuzumab with Chemoradiotherapy for Locally Advanced Head and Neck Squamous Cell	02	x	Cureus ISSN 2168-8184 (Pubmed)	ISI	12(5): e8105	2020

	Carcinoma						
45	Percutaneous Ultrasound-Guided Access to the Superior Ophthalmic Vein for Embolization of a Cavernous Sinus Dural Arteriovenous Fistula	04		Cureus ISSN 2168- 8184 (Pubmed)	ISI		12(5) E8053 2020
46	Evaluation of solitary pulmonary tumoral lesions in diameter more than 10 mm detected during computed tomography examination and role of computed tomography-guided percutaneous transthoracic biopsy	04	x	Medical Science ISSN 2321- 7359	ISI		24 (104), 1990- 1994 2020
47	Study on Demography, Imaging and Histologic Classification in Patients with Nasopharyngeal Carcinoma	03	x	Biomedical J Sci & Tech Res ISSN: 2574 - 1241			27 (4), 20999- 21003 2020
48	An Unusual Case of	04		Cureus	ISI		12(6): 2020

Obturator Hernia Detected in an Elderly Man by Computed Tomography			ISSN 2168- 8184 (Pubmed)			e8775	
49 Ultra-deep massive parallel sequencing of plasma cell-free DNA enables large-scale profiling of driver mutations in Vietnamese patients with advanced non-small cell lung cancer	28		Frontiers in Oncology	ISI/Scopus Impact factor 4.137 Citescore 4.28		DOI: 2020 10.3389 /fonc.20 20.0135 1 Manusc ript ID: 546441	

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 05

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với UV chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				

...				
-----	--	--	--	--

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng)

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Đủ

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đủ

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Đủ

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT: Đủ

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học: Đủ

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu

- Không đủ số CTKH là tác giả chính: Đủ

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(* Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Thái Hòa